

Bản án số: 12/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 31/7/2025

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Chu Thị Xuyên, ông Nguyễn Văn Dũng

Thư ký phiên tòa: bà Hoàng Thị Tình - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 - Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Lại Thị Hiền - Chức vụ: Kiểm sát viên

Ngày 31 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 - Nghệ An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 238/2025/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2025, giữa:

- Nguyên đơn: Anh Phan Quốc T, sinh năm 1992. Trú tại: Xóm Y, xã V, huyện Y, (nay là xã Y), tỉnh Nghệ An (Vắng mặt – có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Chị Phạm Thị H, sinh năm 1996. Trú tại: Xóm Y, xã V, huyện Y, (nay là xã Y), tỉnh Nghệ An (Vắng mặt - có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Anh Phan Quốc T vắng mặt tại phiên tòa nhưng theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 09/5/2025, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án có nội dung như sau: Anh và chị Phạm Thị H tự nguyện tìm hiểu có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 22/4/2021 tại UBND xã V, huyện Y, tỉnh Nghệ An Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng tính cách không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, vợ chồng không có tiếng nói chung, khiến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống hôn nhân ngày càng bế tắc nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị H để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung: Phan Ngọc Á, sinh ngày 21/02/2021 và Phan Quốc Việt H1, sinh ngày 15/6/2023. Nay ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, anh không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con, còn chị H muốn cấp dưỡng nuôi con thì tùy chị H.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh và chị H không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía chị Phạm Thị H tại phiên tòa hôm nay vắng mặt nhưng quá trình giải quyết vụ án đã có bản tự khai trình bày: Chị và anh Phan Quốc T đăng ký kết hôn ngày 22/4/2021 tại UBND xã V, huyện Y, tỉnh Nghệ An (Nay là UBND xã Y, tỉnh Nghệ An). Trước khi kết hôn chị và anh T có quá trình tìm hiểu, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc. Sau ngày kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian rất ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị và anh T tính tình không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống. C sống không hòa thuận, cuộc sống thường xảy ra cãi vã nhau. Mâu thuẫn kéo dài và ngày càng trầm trọng. Chị và anh T đã sống ly thân nhau. Hiện tại chị xác định không còn tình cảm với anh T nữa, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, Nay anh T làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với chị thì chị hoàn toàn nhất trí, đề nghị yêu cầu Tòa giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về quan hệ con chung: Trong thời gian sống chung, vợ chồng có 02 con chung là: Phan Ngọc Á, sinh ngày 21/02/2021 và Phan Quốc Việt H1, sinh ngày 15/6/2023. Từ ngày vợ chồng sống ly thân, con chung do anh T và ông bà nội chăm sóc, nuôi dưỡng. Hiện tại 02 con hoàn toàn khỏe mạnh. Ly hôn chị đề nghị Tòa án giao cả 02 con cho anh T tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cho đến 18 tuổi trưởng thành vì hiện nay chị đang đi làm công ty, phải làm ca, chị phải thuê nhà ở, không có thời gian, điều kiện trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng/ 2 con (mỗi con 1.000.000 đồng/tháng).

Về quan hệ tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Nghệ An phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Về thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thu thập đầy đủ chứng cứ. Tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc tổng đạt các văn bản cho các đương sự tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định đảm bảo quyền lợi nghĩa vụ của họ. Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho nguyên đơn và bị đơn nhưng nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xử

vắng mặt. Vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo điều 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự là đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 điều 51, điều 56, 58, 81, 82, 83, 110 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39, điều 97, điều 147, điều 207, điều 228, 238, điều 271, điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điều 35 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2025; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBNVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: xử cho anh Phan Quốc T được ly hôn chị Phạm Thị Hoài

Về quan hệ con chung: Giao 02 con chung là cháu Phan Ngọc Á, sinh ngày 21/02/2021 và cháu Phan Quốc Việt H1, sinh ngày 15/6/2023 cho anh Phan Quốc T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi con chung trưởng thành. Chị Phạm Thị H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con cùng anh T 2.000.000 đồng/tháng cho hai con (mỗi con 1.000.000 đồng/ tháng).

Về tài sản chung: Không xem xét do các bên không yêu cầu

Về án phí: Anh Phan Quốc T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, chị Phạm Thị H phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Anh Phan Quốc T khởi kiện xin ly hôn chị Phạm Thị H, chị H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xóm Y, xã V, huyện Y, Nghệ An (nay là xã Y, tỉnh Nghệ An). Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An (nay là Tòa án nhân dân khu vực 6 – Nghệ An) thụ lý là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; điều 35 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2025.

[1.2] Về việc vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn tại Tòa án: Tại phiên tòa nguyên đơn anh Phan Quốc T, chị Phạm Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo điều 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự là đúng quy định.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Anh Phan Quốc T và chị Phạm Thị H tự nguyện tìm hiểu có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 22/4/2021 tại UBND xã V, huyện Y, tỉnh Nghệ An. Hôn nhân giữa anh Phan Quốc T và chị Phạm Thị H là hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng tính cách không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, vợ chồng không có tiếng nói chung, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống hôn nhân ngày càng bế tắc không thể giải quyết. Như vậy, có thể khẳng định cuộc sống hôn nhân giữa anh T và chị H thực sự không còn hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy căn cứ điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho anh Phan Quốc T được ly hôn với chị Phạm Thị H là đúng pháp luật.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là: cháu Phan Ngọc Á, sinh ngày 21/02/2021 và cháu Phan Quốc Việt H1, sinh ngày 15/6/2023. Xét thấy hiện tại hai con chung của vợ chồng đang do anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng khỏe mạnh, phát triển bình thường, bảo đảm ổn định về chỗ ở và sinh hoạt của các con. Nay ly hôn, anh T có nguyện vọng tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con; tuy nhiên, nếu chị H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con thì anh T đồng ý. Về phía chị H, tại bản tự khai của mình chị H cũng có ý kiến đồng ý giao hai con cho anh T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, chị H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho hai con (Mỗi con 1.000.000 đồng/tháng) cho đến khi các con trưởng thành, đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác theo quy định pháp luật.

Xét thấy, nguyện vọng nuôi con chung của anh Phan Quốc T là hoàn toàn chính đáng. Chị Phạm Thị H cũng đồng ý giao các con chung cho anh T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con cùng anh T mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng), mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi các con trưởng thành, đủ 18 tuổi. Việc chị H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con cùng anh T là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với điều kiện thực tế của các bên và bảo đảm quyền lợi của con chưa thành niên, cho nên cần được Hội đồng xét xử ghi nhận. Vì vậy, căn cứ điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử giao con chung Phan Ngọc Á, sinh ngày 21/02/2021 và Phan Quốc Việt H1, sinh ngày 15/6/2023 cho anh Phan Quốc T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp pháp luật. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Phạm Thị H về cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) cho hai con, (mỗi con 1.000.000 đồng/tháng) kể từ khi ly hôn cho đến khi các con đủ 18 tuổi trưởng thành hoặc có thay đổi khác theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: anh T và chị H không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên miễn xét.

[2.4] Về án phí: Anh Phan Quốc T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, chị Phạm Thị H phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[2.5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 điều 51, điều 56, 58, 81, 82, 83, 110 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, điều 147, khoản 2 điều 207, điều 228, 238 điều 271, điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điều 35 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2025; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBNVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: xử cho anh Phan Quốc T được ly hôn chị Phạm Thị Hoài .

[2]. Về quan hệ con chung: Giao con chung Phan Ngọc Á, sinh ngày 21/02/2021 và Phan Quốc Việt H1, sinh ngày 15/6/2023 cho anh Phan Quốc T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Phạm Thị H về việc cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) cho hai con (1.000.000 đồng/tháng/con) kể từ tháng 7/2025 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành hoặc có sự thay đổi khác của pháp luật.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con chung các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[3]. Về tài sản chung: Anh Phan Quốc T và chị Phạm Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về án phí: Anh Phan Quốc T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn được tính trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã

nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên thành, tỉnh Nghệ An (nay là phòng thi hành án dân sự khu vực 6 – Nghệ An) theo biên lai thu tiền số 0006698 ngày 09/5/2025. Chị Phạm Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 và Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[5]. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự
- VKSND khu vực 6 - NA
- Phòng THADS khu vực 6 - NA
- UBND xã Yên Thành - NA
- TAND tỉnh Nghệ An
- Lưu hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thủy

